|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THCS KIM ĐỒNG | KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I – NĂM HỌC 2023-2024 |
| TỔ: LÝ –HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ-TD | MÔN: CÔNG NGHỆ 8 |

**I. MA TRẬN ĐỀ:**

**- Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra giữa học kì I khi kết thúc nội dung: Bài 4: Bản vẽ lắp*

**- Thời gian làm bài:** *45 phút.*

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 50% trắc nghiệm, 50% tự luận).*

**- Cấu trúc:**

- Mức độ đề:*40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.*

- Phần trắc nghiệm: 5,0 điểm *gồm 15 câu hỏi (biết 12 câu; hiểu 3 câu), mỗi câu 0,33 điểm;*

- Phần tự luận: 5,0 điểm( hiểu 1 câu; VD thấp 1 câu; VDC 1 câu)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung kiến thức | Đơn vị kiến thức | Mức độ nhận thức | Tổng | % tổng điểm |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao | Số CH |
| Số CH | Câu hỏi | Số CH | Câu hỏi | Số CH | Câu hỏi | Số CH | Câu hỏi | TN | TL |  |
| 1 | I. Vẽ kĩ thuật | *1.1. Tiêu chuẩn bản vẽ kĩ thuật*(1 tiết)  | 3 | C1C3C2 |  |  | 1/2 | C17a |  |  | 3 | 0,5 | 12,5% |
| *1.2. Hình chiếu vuông góc* (3 tiết ) | 3 | C4 C5C6 |  |  | 1/2 | C17b | 1 | C18 | 3 | 1,5 | 37,5% |
| *1.4. Bản vẽ chi tiết*(2 tiết ) | 2 | C11C10 | 1 | C16 |  |  |  |  | 2 | 1 | 26,6% |
| *1.5. Bản vẽ lắp*(2 tiết ) | 4 | C12, C14, C15C13 | 3 | C7,C8, C9 |  |  |  |  | 7 |  | 23,3% |
| Tổng | 12 | 4 | 1 | 1 | 15 | 3 | 100% |
| Tỉ lệ (%) | 40 | 30 | 20 | 10 |  |  | 100 |
| Tỉ lệ chung (%) | 70 | 30 |  |  | 100 |

# **II. BẢNG ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ MÔN CÔNG NGHỆ 8 GIỮA HK I**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 |  Vẽ kĩ thuật | ***Bài 1***.Một số tiêu chuẩn trình bày bản vẽ kĩ thuật |  **Nhận biết:** - Gọi tên được các loại khổ giấy. - Nêu được khái niệm tỉ lệ và một số loại tỉ lệ. - Nêu được các loại đường nét dùng trong bản vẽ kĩ thuật. **Thông hiểu:** - Mô tả được tiêu chuẩn về khổ giấy. - Giải thích được tiêu chuẩn về tỉ lệ. - Mô tả được tiêu chuẩn về đường nét. - Mô tả được tiêu chuẩn về ghi kích thước.**Vận dụng:** - Xác định được tỉ lệ bản vẽ | C1C3C2 |  | C17a |  |
| ***Bài 2. Hình chiếu vuông góc***  |  **Nhận biết:*** Trình bày khái niệm hình chiếu.
* Gọi được tên các hình chiếu vuông góc, hướng chiếu.
* Nêu được cách xác định các hình chiếu vuông góc của vật thể đơn giản.
* Nhận dạng được các khối đa diện.
* Nhận biết được hình chiếu của một số khối đa diện thường gặp.
* Nhận biết được hình chiếu của một số khối tròn xoay thường gặp**.**
* Trình bày được các bước vẽ hình chiếu vuông góc một số khối đa diện, tròn xoay thường gặp.
 | C4, C5C6 |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  **Thông hiểu:**- Phân biệt được các hình chiếu vuông góc của vật thể đơn giản trên bản vẽ kĩ thuật.* Sắp xếp được đúng vị trí các hình chiếu vuông góc của vật thể trên bản vẽ kĩ thuật.
* Tính toán được tỉ lệ để vẽ các hình chiếu vuông góc của vật thể đơn giản.
* Phân biệt được các hình chiếu của khối đa diện, khối tròn xoay.
* Sắp xếp đúng vị trí các hình chiếu vuông góc của một số khối đa diện thường gặp trên bản vẽ kỹ thuật.
* Sắp xếp đúng vị trí các hình chiếu vuông góc của một số khối tròn xoay thường gặp trên bản vẽ kỹ thuật.
* Giải thích được mối liên hệ về kích thước giữa các hình chiếu.

 **Vận dụng:*** Vẽ được hình chiếu vuông góc của một số khối đa diện theo phương pháp chiếu góc thứ nhất.
* Vẽ được hình chiếu vuông góc của một số khối tròn xoay thường gặp theo phương pháp chiếu góc thứ

nhất.- Ghi được kích thước đúng quy ước trong bản vẽ kĩ thuật.- Nêu được tên gọi dựa vào vị trí các hình chiếu vuông góc trên bản vẽ. Chỉ được sự tương quan giữa hướng chiếu và hình chiếu.**Vận dụng cao:****-**  Mô tả được các bước vẽ hình chiếu vuông góc của vật thể và vẽ được các hình chiếu vuông góc của vật thể đơn giản.. |  |  | C17b | C18 |
| Bài 3. Bản vẽ chi tiết |  **Nhận biết:*** Trình bày được nội dung và công dụng của bản vẽ chi tiết.
* Kể tên các bước đọc bản vẽ chi tiết đơn giản.

 **Thông hiểu:**- Mô tả được trình tự các bước đọc bản và nội dung đọc của bản vẽ chi tiết đơn giản.* So sánh được nội dung của bản vẽ chi tiết và bản vẽ lắp

 **Vận dụng:*** Đọc được bản vẽ chi tiết đơn giản theo đúng trình tự

 các bước. | C11C10 | C16 |  |  |
| ***Bài 4. Bản vẽ lắp*** |  **Nhận biết:*** Trình bày được nội dung và công dụng của bản vẽ lắp
* Kể tên các bước đọc bản vẽ lắp đơn giản.

 **Thông hiểu:*** Mô tả được trình tự các bước đọc bản vẽ lắp đơn giản.

 **Vận dụng:*** Đọc được bản vẽ lắp đơn giản theo đúng trình tự các bước.
 | C12, C14, C15C13 | C7 ,C8, C9 |  |  |

**III. NỘI DUNG ĐỀ:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Họ và tên HS: \_ \_ \_ \_ \_ \_ \_ \_ \_ \_ \_ \_ \_** **Lớp Trường THCS Kim Đồng****Số BD:**............... **Phòng thi:**...........**- Số tờ:**.......... | **KIỂM TRA HỌC GIỮA KỲ I (2023-2024)MÔN:** **CÔNG NGHỆ 8Thời gian làm bài:** 45 **phút****ĐỀ SỐ 1:** | **MP** | **TT** |
|  |  |
|

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm** | **Giám thị** | **Giám khảo 1** | **Giám khảo 2** | **MP** | **TT** |
|  |  |  |  |  |  |
|

**I. TRẮC NGHIỆM. (5.0 điểm) *Khoanh tròn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất.***

Câu 1: *Khổ giấy A4 là khổ giấy có kích thước*

A. 841 x 594. B. 594 × 420. C. 420 x 297. D. 297 × 210.

Câu 2: *Trên bản vẽ kĩ thuật, nét đứt mảnh được dùng để*

A. Vẽ đường bao thấy, cạnh thấy. B. Vẽ đường bao khuất, cạnh khuất.

C. Vẽ đường tâm, đường trục. D. Một đáp án khác

Câu 3: *Các tỉ lệ của bản vẽ kĩ thuật bao gồm:*

A. Giữ nguyên; thu nhỏ B. Thu nhỏ; phóng to

C. Phóng to gấp đôi D. Thu nhỏ, giữ nguyên, phóng to.

Câu 4: *Hình chiếu đứng thuộc mặt phẳng chiếu nào? Và có hướng chiếu như thế nào?*

 **A.** Mặt phẳng chiếu đứng, từ sau tới. **B.**  Mặt phẳng chiếu đứng, từ trước tới.

 **C.** Mặt phẳng chiếu đứng, từ trái qua. **D.** Mặt phẳng chiếu đứng, từ trên xuống.

**Câu 5:** ***Ở phương phép chiếu vuông góc, để thu được hình chiếu bằng ta nhìn từ đâu?***

 **A.** Từ trái sang **B.** Từ trước vào **C.** Từ phải sang **D**. Từ trên xuống

**Câu 6: *Hình nào sau đây* không phải *là khối tròn xoay:***

 **A.**  Hình cầu **B.**  Hình nón **C.**  Hình trụ **D.** Hình lăng trụ

Câu 7: *Khung tên của bản vẽ lắp* không *cho biết những nội dung gì?*

A. Tên sản phẩm B. Tỉ lệ bản vẽ

C. Nơi thiết kế D. Trình tự tháo lắp

**Câu 8:** ***Tìm hiểu số lượng, vật liệu của một chi tiết trong bản vẽ lắp ở đâu?***

**A.** Khung tên **B.** Bảng kê **C.** Phân tích chi tiết **D.** Tổng hợp

**Câu 9:** ***Trình tự đọc bản vẽ lắp khác trình tự đọc bản vẽ chi tiết ở chỗ có thêm bước***

**A.** Bảng kê **B.** Phân tích chi tiết

**C.** Bảng kê, phân tích chi tiết **D.** Bảng kê, phân tích chi tiết, tổng hợp

Câu 10: *Trình tự đọc bản vẽ chi tiết là:*

A. Khung tên, hình biểu diễn, kích thước, yêu cầu kĩ thuật

B. Khung tên, kích thước, hình biểu diễn, yêu cầu kĩ thuật

C. Hình biểu diễn, khung tên, kích thước, yêu cầu kĩ thuật

D. Hình biểu diễn, kích thước, khung tên, yêu cầu kĩ thuật

Câu 11: *Nội dung bản vẽ chi tiết* không có:

A. Khung tên B. Hình biểu diễn C. Bảng kê D. Kích thước.

Câu 12: *Bản vẽ lắp được dùng để làm gì ?*

 A. Chế tạo và kiểm tra sản phẩm.

 B. Dùng trong thiết kế, lắp ráp, kiểm tra và sử dụng sản phẩm.

 C. Lắp ráp và kiểm tra sản phẩm.

 D. Thiết kế và sử dụng sản phẩm..

**Câu 13:** ***Nêu trình tự đọc bản vẽ lắp?***

**A.** Hình biểu diễn →Khung tên →Bảng kê →Kích thước →Phân tích chi tiết →Tổng hợp

**B.** Khung tên →Bảng kê →Kích thước →Hình biểu diễn →Phân tích chi tiết →Tổng hợp

**C.** Khung tên →Bảng kê →Hình biểu diễn →Kích thước →Phân tích chi tiết →Tổng hợp

**D.** Khung tên→ Hình biểu diễn →Bảng kê →Kích thước →Phân tích chi tiết →Tổng hợp

**Câu 14:** ***Nội dung bản vẽ lắp gồm:***

**A.** khung tên, hình biểu diễn, kích thước

**B.** khung tên, hình biểu diễn, bảng kê

**C.** khung tên, hình biểu diễn, kích thước, bảng kê

**D.** khung tên, hình biểu diễn, kích thước, yêu cầu kĩ thuật

**Câu 15:** ***Nội dung phần yêu cầu kĩ thuật của bản vẽ chi tiết gồm:***

**A.** Chỉ dẫn về gia công **B.** Chỉ dẫn về xử lí bề mặt

**C.** Tên gọi chi tiết, vật liệu **D**. Chỉ dẫn về gia công và xử lí bề mặt

II. TỰ LUẬN: 5 điểm

Câu 16 (2 điểm): *Em hãy nêu trình tự đọc và nội dung đọc của bản vẽ chi tiết.*

Câu 17 (2 điểm):

a)  *Một viên gạch có kích thước một bề mặt 200 mm và 100 mm. Trên bản vẽ, bề mặt đó được vẽ với kích thước tương ứng là 20 mm và 10mm. Hãy xác định tỉ lệ bản vẽ của bề mặt viên gạch?*

*b) Cho vật thể với các hướng chiếu A, B, C và các hình chiếu 1, 2, 3 như hình sau. Hãy ghi tên gọi các hình chiếu 1,2,3 vào bảng 1*

 ***B***

 C

 3 1

 A 2

 Hình 1

**10**

10

10

40

40

40

***Bảng 1***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hình chiếu** | **Tên hình chiếu** |
| **1** |  |
| **2** |  |
| **3** |  |

|  |
| --- |
| **Câu 18:** **(1 điểm)**: ***Em hãy vẽ 3 hình chiếu vuông góc của vật thể bên*** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Họ và tên HS: \_ \_ \_ \_ \_ \_ \_ \_ \_ \_ \_ \_ \_** **Lớp Trường THCS Kim Đồng****Số BD:**............... **Phòng thi:**...........**- Số tờ:**.......... | **KIỂM TRA HỌC GIỮA KỲ I (2023-2024)MÔN:** **CÔNG NGHỆ 8 Thời gian làm bài:** 45 **phút****ĐỀ SỐ 2** | **MP** | **TT** |
|  |  |
|

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm** | **Giám thị** | **Giám khảo 1** | **Giám khảo 2** | **MP** | **TT** |
|  |  |  |  |  |  |
|

**I. TRẮC NGHIỆM. (5.0 điểm) *Khoanh tròn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất.***

***Câu 1. Các khổ giấy chính của bản vẽ kĩ thuật được quy định trong TCVN 7285:2003 bao gồm các khổ giấy nào?***

 **A.** A0, A1, A2, A3, A4. **B**. B0, B1, B2, B3, B4.

 **C.** C0, C1, C2, C3, C4. **D**. D0, D2, D2, D3, D4.

***Câu 2. Để vẽ đường bao khuất, cạnh khuất, người ta dùng nét vẽ có hình dạng nào sau đây?***

 **A**. **B.**

**C.**  **D.**

***Câu 3. Chọn từ thích hợp điền vào dấu 3 chấm (…)***

 ***“Tỉ lệ là tỉ số giữa kích thước dài đo được trên … và kích thước thực tương ứng trên vật thể đó”***

1. vật thể **B**. bản vẽ kĩ thuật **C**. hình biểu diễn của vật thể **D**. khổ giấy

***Câu 4: Hình chiếu bằng thuộc mặt phẳng chiếu nào? Và có hướng chiếu như thế nào?***

 **A.** Mặt phẳng chiếu đứng, từ sau tới. **B.** Mặt phẳng chiếu bằng, từ trước tới.

 **C**. Mặt phẳng chiếu cạnh, từ trái qua**. D.** Mặt phẳng chiếu bằng, từ trên xuống.

***Câu 5. Trong phép chiếu vuông góc, mặt phẳng chính diện gọi là mặt phẳng gì?***

1. Mặt phẳng hình chiếu bằng. **B.** Mặt phẳng hình chiếu đứng.

**C**. Mặt phẳng hình chiếu cạnh. **D.** Mặt phẳng hình chiếu xiên.

***Câu 6. Nhóm vật thể nào có dạng khối tròn xoay?***

1. Viên bi, hộp diêm, quả bóng bàn. **B.** Kim tự tháp, chiếc đĩa, trục bình.

**C.** Quả địa cầu, viên bi, viên phấn viết bảng. **D**. Quả bóng, cái nón, kim tự tháp.

Câu 7: *Khung tên của bản vẽ lắp* không *cho biết những nội dung gì?*

A. Tên sản phẩm B. Tỉ lệ bản vẽ C. Nơi thiết kế D. Trình tự tháo lắp

**Câu 8:** ***Tìm hiểu số lượng, vật liệu của một chi tiết trong bản vẽ lắp ở đâu?***

**A.** Khung tên **B.** Bảng kê **C.** Phân tích chi tiết **D.** Tổng hợp

***Câu 9. Trong 4 bước vẽ hình chiếu vuông góc của một vật thể đơn giản, bước nào quyết định tới các hình chiếu của vật thể?***

1. Bước 1: Phân tích vật thể thành các khối đơn giản.
2. Bước 2: Chọn các hướng chiếu.
3. Bước 3: Vẽ các hình chiếu các bộ phận của vật thể bằng nét liền mãnh.
4. Bước 4: Hoàn thiện các nét vẽ và ghi kích thước.

***Câu 10. Trình tự đọc bản vẽ lắp gồm mấy bước?***

 **A.** 4. **B.** 5. **C.** 6. **D.**7.

 ***Câu 11. Trình tự đọc bản vẽ chi tiết nào sau đây là đúng?***

1. Khung tên 🡪 Kích thước 🡪 Hình biểu diễn 🡪 Yêu cầu kĩ thuật.
2. Khung tên 🡪 Bảng kê 🡪 Hình biểu diễn 🡪 Kích thước 🡪 Phân tích các chi tiết 🡪 Tổng hợp.
3. Khung tên 🡪 Kích thước 🡪 Phân tích các chi tiết 🡪 Tổng hợp.
4. Khung tên 🡪 Hình biểu diễn 🡪 Kích thước 🡪 Yêu cầu kĩ thuật.

***Câu 12. So với bản vẽ chi tiết, bản vẽ lắp có thêm nội dung nào?***

 **A.** Yêu cầu kĩ thuật. **B.** Bảng kê. **C.** Kích thước. **D.** Khung tên.

***Câu 13: Bản vẽ lắp được dùng để làm gì ?***

 A. Chế tạo và kiểm tra sản phẩm. B. Dùng trong thiết kế, lắp ráp, kiểm tra và sử dụng sản phẩm.

 C. Lắp ráp và kiểm tra sản phẩm. D. Thiết kế và sử dụng sản phẩm..

***Câu 14. Nội dung của bản vẽ chi tiết gồm những gì?***

1. Các hình biểu diễn; kích thước; các yêu cầu kĩ thuật; khung tên.
2. Các hình biểu diễn; kích thước; các yêu cầu kĩ thuật; khung bản vẽ.
3. Các hình biểu diễn; các con số kích thước; các yêu cầu kĩ thuật; khung tên.
4. Hình biểu diễn; kích thước; bảng kê; khung tên.

***Câu 15. Phần tổng hợp trong trình tự đọc bản vẽ lắp gồm những nội dung nào?***

  **A**.Tên sản phẩm, tỉ lệ bản vẽ, nơi thiết kế. **B.** Các hình chiếu, hình cắt.

 **C.** Tên gọi các chi tiết, số lượng, vật liệu. **D.** Trình tự tháo lắp.

**II. TỰ LUẬN:** 5 điểm

Câu 16: (2 điểm) *So sánh nội dung giống nhau và khác nhau của bản vẽ chi tiết và bản vẽ lắp?*

Câu 17: (2 điểm)

1. *Một viên gạch có kích thước một bề mặt 200 mm và 100 mm, yêu cầu vẽ trên bản kĩ thuật với tỉ lệ thu nhỏ 1:10. Hãy xác định kích thước của viên gạch đó trên bản vẽ?*
2. *Cho vật thể với các hướng chiếu A, B, C và các hình chiếu 1, 2, 3 như hình sau. Hãy ghi tên gọi các hình chiếu 1,2,3 vào bảng 1*

 ***B***

 C

 3 1

 A 2

 Hình 1

*****Bảng 1***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hình chiếu** | **Tên hình chiếu** |
| **1** |  |
| **2** |  |
| **3** |  |

|  |
| --- |
| **Câu 18:** **(1 điểm*)****:* ***Em hãy vẽ 3 hình chiếu vuông góc của vật thể bên***  |

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD & ĐT ĐẠI LỘC**TRƯỜNG THCS KIM ĐỒNG** | **HƯỚNG DẪN CHẤM****KIỂM TRA GIỮA KÌ I – NĂM HỌC 2023 - 2024****MÔN** **CÔNG NGHỆ - KHỐI LỚP 8** |
|  |
|  |

**I. Phần đáp án câu trắc nghiệm: (5 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | ***01*** | ***02*** |
| **1** | **D** | **A** |
| **2** | **B** | **C** |
| **3** | **D** | **C** |
| **4** | **B** | **D** |
| **5** | **D** | **B** |
| **6** | **D** | **C** |
| **7** | **D** | **D** |
| **8** | **B** | **B** |
| **9** | **D** | **B** |
| **10** | **A** | **C** |
| **11** | **C** | **D** |
| **12** | **B** | **B** |
| **13** | **C** | **B** |
| **14** | **C** | **A** |
| **15** | **D** | **D** |

**ĐỀ 1:**

**II.TỰ LUẬN**:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Đáp án** | **Điểm** |
| **Câu 16****(2 điểm)** |

|  |  |
| --- | --- |
| Trình tự đọc | Nội dung |
| 1. Khung tên | * Tên gọi chi tiết.
* Vật liệu.
* Tỉ lệ.
 |
|  2. Hình biểu diễn. | * Tên gọi hình chiếu.
* Các hình biểu diễn khác (nếu có).
 |
|  3. Kích thước | * Kích thước chung của chi tiết.
* Kích thước các thành phần của chi tiết.
 |
|  4. Yêu cầu kĩ thuật | * Gia công.
* Xử lí bề mặt.
 |

 | 0,5 đ0,5đ0,5đ0,5đ |
| **Câu 17****(2 điểm)** | 1. Xác định đúng tỉ lệ
2. Hoàn thành đúng tên gọi hình chiếu
 | 0,25đ1,75đ |
| **Câu 18****(1 điểm)** | * Vẽ đúng hình chiếu đúng
* Vẽ đúng hình chiếu bằng
* Vẽ đúng hình chiếu cạnh
* Bố trí đúng vị trí các hình chiếu trên bản vẽ
 | 0,3đ0,3đ0,3đ0,1 đ |

**ĐỀ 2:**

**II.TỰ LUẬN**: (5đ)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Đáp án** | **Điểm** |
| **Câu 16****(2 điểm)** | - ***Nêu được 4 điểm giống nhau:*** + Đều là bản vẽ kỹ thuật+ Đều có hình biểu diễn+ Đều có kích thước+ Đều có khung tên- ***Nêu được 2 điểm khác nhau:***+ Bản vẽ chi tiết có yêu cầu kĩ thuật (không có bảng kê)+ Bản vẽ lắp có bảng kê (không có yêu cầu kỹ thuật) | 1đ1đ |
| **Câu 17****(2 điểm)** | 1. Xác định đúng tỉ lệ
2. Hoàn thành đúng tên gọi hình chiếu
 | 0,25đ1,75đ |
| **Câu 18****(1 điểm)** | * Vẽ đúng hình chiếu đứng
* Vẽ đúng hình chiếu bằng
* Vẽ đúng hình chiếu cạnh

Bố trí đúng vị trí các hình chiếu trên bản vẽ | 0,3đ0,3đ0,3đ0,1 đ |